

Bản án số: 845/2026/DS-ST

Ngày: 25-5-2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Anh
2. Ông Lê Hoàng Ngọc Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2025/TLST-DS ngày 03/01/2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 422/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 401/2026/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1971 và bà Đinh Thị Kim T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số H, Đường G, Khu phố C, phường T, TP ., Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, theo Giấy ủy quyền ngày 16/10/2024; địa chỉ: Số D, đường L, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; (bà C có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Văn Anh T1, sinh năm 1965 và bà Dương Thị T2, sinh năm 1975; địa chỉ: Số B, Khu phố C, phường T (địa chỉ cũ: Khu phố A, phường T, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 09 tháng 12 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T3 trình bày:

Ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T cho ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 vay số tiền 220.000.000 đồng theo Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2022, lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng và thanh toán vào ngày 30 hàng tháng, thời hạn trả khi

nào nguyên đơn cần thì bị đơn có nghĩa thanh toán lại cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã giao đủ số tiền vay trên cho bị đơn.

Mặc dù các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng bị đơn đã vi phạm, không thanh toán lãi suất cho nguyên đơn. Ngày 30/6/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả đủ tiền nợ lãi và nợ gốc nhưng bị đơn lại thỏa thuận hứa trả chậm cho nguyên đơn, vì chỗ quen biết nên nguyên đơn đồng ý. Do đó, hai bên làm Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024 với nội dung bị đơn chủ động chi trả theo tháng với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng và lãi suất 1%/tháng theo số dư nợ. Tuy nhiên, bị đơn mới trả cho nguyên đơn số tiền 8.000.000 đồng và không thanh toán tiếp số tiền nợ cho nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bị đơn thực hiện cam kết trả nợ nêu trên. Đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán hết khoản nợ cho nguyên đơn. Khoản nợ trên là khoản nợ chung của ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2.

Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 212.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất.

Thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để triệu tập ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 đến Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện: Ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 vay tiền của ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T có ký Giấy cho vay tiền, Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận, do đó có cơ sở xác định giữa các bên đương sự có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả hết số tiền vay là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn được quyền khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 có địa chỉ cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự cho ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung), Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Văn Anh T1, bà Dương Thị T2 và ông Huỳnh Ngọc N, bà Đinh Thị Kim T có thỏa thuận vay tài sản thể hiện trong Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2022 và Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Luật nội dung áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2022 và Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024 cho thấy việc thỏa thuận vay tài sản nêu trên giữa các bên là có thật.

Xét nguyên đơn trình bày nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 220.000.000 đồng theo Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2022, lãi suất theo thỏa thuận là 1%/tháng và thanh toán vào ngày 30 hàng tháng; hai bên làm Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024 với nội dung bị đơn chủ động chi trả theo tháng với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng và lãi suất 1%/tháng theo số dư nợ. Tuy nhiên, bị đơn mới trả cho nguyên đơn số tiền 8.000.000 đồng và không thanh toán tiếp số tiền nợ còn lại cho nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay còn nợ là 212.000.000 đồng và không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất.

Xét quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 332/2026/QĐ-CCTLCC ngày 25/02/2026 cho ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2, yêu cầu bị đơn cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến thỏa thuận và ký kết Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2022, Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024, quá trình thực hiện thỏa thuận, việc giao nhận tiền, các khoản lãi suất vay, số tiền đã nhận, số tiền đã thanh toán, số tiền còn nợ và những tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến tranh chấp giữa ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 với ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T trong vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*; khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”*.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T có cho ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 vay tiền thể hiện qua các Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2022 và Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024, cả 02 văn bản này đều có chữ ký xác nhận của ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2. Theo Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2022 có nội dung thể hiện bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng, mức lãi suất theo thỏa thuận, thanh toán tiền lãi vào ngày 30 hàng tháng. Sau đó, các bên ký Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024 có nội dung thể hiện bên vay đồng ý thỏa thuận ngày 30/6/2024 chủ động chi trả theo tháng với số tiền 3.000.000 đồng đều đặn theo thỏa thuận; trường hợp bên vay để nợ đọng lại thì số tiền tính theo thỏa thuận ban đầu. Mặt sau của Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024 có chữ ký của ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 có nội dung ông bà xác nhận vay mượn của ông Huỳnh Ngọc N số tiền 220.000.000 đồng, chưa thanh toán nợ gốc và lãi, từ ngày 30/6/2024 hàng tháng bên vay sẽ trả nợ đầy đủ số tiền 3.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 1%/tháng theo số dư nợ. Do đó, có cơ sở khẳng định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 220.000.000 đồng.

Xét Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận số tiền vay nhưng không thỏa thuận thời hạn vay. Căn cứ theo Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) thì hợp đồng vay tài sản mà các bên ký kết nêu trên thuộc trường hợp vay không kỳ hạn. Sau đó, các bên ký Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024 có nội dung thể hiện từ ngày 30/6/2024 hàng tháng bên vay sẽ trả góp 3.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 1%/tháng theo số dư nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện thanh toán nợ theo như thỏa thuận.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, còn bên vay cũng có*

quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào và chỉ phải trả lãi cho đến thời điểm trả nợ, nhưng cũng phải báo trước cho bên cho vay một thời gian hợp lý”.

Xét nguyên đơn đã gửi Thông báo yêu cầu trả nợ đề ngày 30/9/2024, yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền gốc 220.000.000 đồng chậm nhất đến ngày 10/10/2024, nhưng bị đơn mới trả cho nguyên đơn được 8.000.000 đồng và không thanh toán tiếp số tiền nợ 212.000.000 đồng còn lại cho nguyên đơn nữa. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa các bên gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ là có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 212.000.000 đồng.

Mặc dù hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất nhưng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất trên số tiền vay còn nợ là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét thời hạn thanh toán đã hết từ lâu nhưng bị đơn vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả một lần ngay số tiền nợ trên cho nguyên đơn khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ các điều 105, 357, 463, 466, 468, 469, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T.

- Buộc ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 phải có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T số tiền nợ là 212.000.000 (Hai trăm mười hai triệu) đồng, theo Giấy cho vay tiền ngày 26/7/2022 và Giấy cam kết trả nợ theo thỏa thuận ngày 30/6/2024.

Thời hạn thanh toán: Ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 phải thanh toán số tiền nợ trên cho ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T được chấp nhận nên ông Văn Anh T1 và bà Dương Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.600.000 (Mười triệu sáu trăm nghìn) đồng đối với khoản tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 212.000.000 (Hai trăm mười hai triệu) đồng.

Ông Huỳnh Ngọc N và bà Đinh Thị Kim T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.300.000 (Năm triệu ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049880 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12 (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

3- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có tên nêu trên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- VKSND Khu vực 7;
- THADS Khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Tú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Tám

